

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá năm 2016

I. Căn cứ lập Kế hoạch

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ, về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020.

II. Mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hoá năm 2016

1. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ứng dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động; cung cấp đầy đủ thông tin, dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 trên diện rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa đảm bảo phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; triển khai xây dựng hạ tầng đảm bảo kết nối và chia sẻ liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, các bộ ngành Trung ương và các địa phương.

- Đạt tỷ lệ 92 máy tính/100 cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện có máy tính để làm việc; 95% cán bộ, công chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc.

- 67% các sở, ban, ngành cấp tỉnh và 100% UBND cấp huyện được triển khai hệ thống “Một cửa điện tử liên thông” để cung cấp dịch vụ hành chính công mức độ cao cho người dân và doanh nghiệp; 48,5% các cơ quan nhà nước cấp xã

được triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc và hệ thống thư tín điện tử.

- 90% văn bản trình UBND tỉnh và 75% văn bản được trao đổi giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (trừ văn bản mật) dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- 85% văn bản điện tử trao đổi của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã có ứng dụng chữ ký số chuyên dùng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường mạng.

- Đảm bảo cung cấp 40% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ở mức độ 3 và 3,5% ở mức độ 4.

- Nâng cấp và hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh để cung cấp các dịch vụ hành chính công được cung cấp mức độ 3, mức độ 4. Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và 100% trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cho 50% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã; triển khai đào tạo kiến thức về an ninh, an toàn thông tin cho 100% cán bộ chuyên trách CNTT của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

III. Nội dung kế hoạch:

3.1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật:

- Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh; xây dựng các hệ thống, phần mềm vận hành nền tảng, ứng dụng Chính phủ điện tử của tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục triển khai, hoàn thiện đầu tư hệ thống “Một cửa điện tử hiện đại” cho 07 UBND cấp huyện và 06 sở, ngành tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Bổ sung, thay thế, nâng cấp một số thiết bị CNTT đã hỏng cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để đảm bảo mạng máy tính nội bộ của các đơn vị hoạt động tốt và đáp ứng nhu cầu máy tính làm việc của cán bộ công chức. Đầu tư, bổ sung các thiết bị CNTT, tổ chức kết nối với mạng Tin học diện rộng của UBND tỉnh thông qua Internet.

- Triển khai hệ thống tổ chức hội nghị, giao ban điện tử đa phương tiện giữa UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thông qua hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Các sở, ban, ngành tăng cường đầu mối, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và phần mềm ứng dụng CNTT được đầu tư theo các chương trình, dự án của các Bộ, ngành Trung ương.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật để duy trì hoạt động của Công thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống thư điện tử công vụ và hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

3.2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước:

- Duy trì sử dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc trong các cơ quan quản lý nhà nước đã triển khai tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và tiếp tục mở rộng đến các cơ quan thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở. Tiếp tục triển khai phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cấp huyện đến các đơn vị còn lại. Triển khai cài đặt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử công vụ, phần mềm một cửa điện tử và một số phần mềm ứng dụng khác phục vụ công việc của UBND cấp xã đảm bảo tích hợp trên nền tảng chung, liên thông qua trực kết nối của tỉnh đến trực kết nối quốc gia.

- Đăng ký và cấp chứng thư số chuyên dùng cho các đơn vị sự nghiệp của UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã (loại chứng thư số cho cơ quan) để phục vụ gửi nhận văn bản trên môi trường mạng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; từng bước tích hợp ứng dụng chữ ký số vào các phần mềm ứng dụng của tỉnh. Triển khai đăng ký và cấp chứng thư số cá nhân cho một số chức danh lãnh đạo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đầu mối tiếp nhận, xử lý các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4.

- Các cơ quan, đơn vị phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quốc gia về: quản lý văn bản, thư điện tử, đấu thầu điện tử, quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), quản lý giao thông điện tử, quản lý xe cộ điện tử, quản lý hộ chiếu điện tử, quản lý bệnh án điện tử.

- Các sở, ban, ngành tăng cường đấu nối với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống các cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo khả năng sẵn sàng và thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc các lĩnh vực: thống kê, tổng hợp dân số, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, tài nguyên và môi trường, dân cư.

- Hoàn thiện các bộ phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin, CSDL hỗ trợ công tác quản lý tại các đơn vị: phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, quản lý tiếp công dân; hoạt động quản lý khoa học công nghệ; các CSDL ngành y tế; cập nhật CSDL về an toàn giao thông trong tỉnh; hệ thống thông tin quản lý công tác thủy lợi; quản lý cán bộ, công chức; ngoại vụ, dân tộc.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện hợp lý hóa, cải tiến và minh bạch các quy trình công việc, thủ tục hành chính và các quy trình liên thông giữa các cơ quan liên quan để có thể ứng dụng CNTT hiệu quả.

3.3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Rà soát, nâng cấp phần mềm Một cửa điện tử liên thông cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đảm bảo tích hợp trên nền tảng chung liên thông qua trực kết nối của tỉnh đến trực kết nối quốc gia.

- Xây dựng Cổng Dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa <http://www.dichvucong.thanhhoa.gov.vn> đảm bảo kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; liên thông với các Bộ, ngành cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4 ở các lĩnh vực Y tế, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ...

- Đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ (máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ dữ liệu,...) và phần mềm quản lý hệ thống, phần mềm giải quyết các thủ tục hành chính công cho bộ phận một cửa để thực hiện mô hình “Một cửa điện tử liên thông” tại 06 sở, ngành, 07 UBND cấp huyện và 308 UBND cấp xã.

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là hệ thống thông tin về dân cư, đất đai, văn bản Quy phạm pháp luật, doanh nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giáo dục, lao động thương binh và xã hội,...

3.4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Nâng cấp Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo mật, an ninh mạng, an toàn thông tin trong hệ thống các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung, trang bị các thiết bị an ninh mạng, thiết bị định tuyến cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để đưa Mạng Truyền số liệu chuyên dùng vào sử dụng và đảm bảo an toàn cho mạng máy tính nội bộ của các đơn vị hoạt động tốt. Theo dõi, ứng cứu xử lý sự cố, đặc biệt là tăng cường phối hợp giám sát, thu thập thông tin và cảnh báo sớm về an toàn thông tin trên toàn hệ thống mạng CNTT của tỉnh.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ và nâng cao hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh bảo đảm, an toàn thông tin cho các thông tin trao đổi, các dịch vụ cung cấp trên Cổng.

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy chế quy định cho các hệ thống mạng CNTT dùng chung của tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin, vận hành an toàn, ổn định, thông suốt.

3.5. Bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT:

- Tổ chức bồi dưỡng cho lãnh đạo phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND các huyện.

- Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống mạng, an ninh mạng; quản lý triển khai, vận hành hệ thống CNTT cho CBCC chuyên trách về CNTT.

- Tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng ứng dụng và khai thác CNTT cho CBCC trong các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhân lực CNTT dưới nhiều hình thức.

IV. Giải pháp

1. Giải pháp tài chính:

Huy động tổng hợp các nguồn vốn xã hội hóa, vốn ngân sách nhà nước. UBND tỉnh bố trí nguồn ngân sách của tỉnh gồm nguồn chi đầu tư và chi sự nghiệp kết hợp với nguồn ngân sách Trung ương “Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020” để tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước năm 2016.

Các đơn vị đã được đầu tư, hỗ trợ từ nguồn kinh phí trung ương để phục vụ cho việc phát triển ứng dụng CNTT theo đặc trưng của ngành, có trách nhiệm đầu mối với các cơ quan trung ương để được tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả các dự án đầu tư.

2. Giải pháp triển khai:

- Đối với những chương trình, dự án ứng dụng CNTT mang tính chất trọng tâm, sử dụng nguồn kinh phí lớn đã được lựa chọn thí điểm, có chọn lọc tại một số đơn vị, cần đánh giá chi tiết hiệu quả ứng dụng, làm cơ sở nhân rộng mô hình cho các đơn vị còn lại.

- Khuyến khích triển khai theo hình thức thuê dịch vụ CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giải pháp tổ chức:

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh trong việc triển khai công tác ứng dụng trong các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo CNTT ở các cấp.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tại các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin, có lãnh đạo chuyên trách về an toàn thông tin, chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố (CERT) tại các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc.

4. Giải pháp về môi trường pháp lý:

- Xây dựng và ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng của tỉnh nhằm tăng cường chia sẻ thông tin, giảm văn bản bằng giấy trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch ngân sách của cơ quan nhà nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến tổng kinh phí cho ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước năm 2016 là: 34,92 tỷ đồng (Ba mươi bốn tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương: 15 tỷ đồng;

- Nguồn kinh phí sự nghiệp trong dự toán ngân sách tỉnh: 15 tỷ đồng;

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên CNTT vào dự toán ngân sách các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: 4,92 tỷ đồng;

(Danh mục các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT năm 2016 kèm theo tại Phụ lục 1, phụ lục 2 và phụ lục 3).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tổ chức triển khai; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu và nội dung Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động, tích cực làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để xin hỗ trợ kinh phí cho các dự án, chương trình, nhiệm vụ để triển khai tốt Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc gửi nhận văn bản, thư điện tử trên mạng qua phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, hộp thư công vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các quy định, quy chế để đảm bảo môi trường pháp lý trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bố trí, phân bổ nguồn kinh phí năm 2016 thuộc ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư cho ứng dụng CNTT theo Kế hoạch.

- Cùng với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển

thuộc ngân sách tỉnh, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về công nghệ thông tin cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng Công nghệ thông tin.

4. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh triển khai Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2016, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch ứng dụng CNTT, từng bước hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh; phối hợp tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính; phối hợp trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức về ứng dụng CNTT.

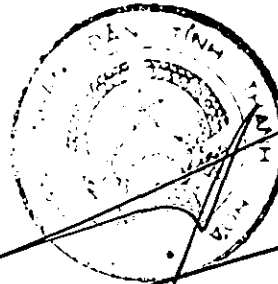
5. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch này.

6. Các đơn vị được giao chủ trì các nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để BC);
- CT và các PCT UBND tỉnh (để BC);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để TH);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để TH);
- Lưu: VT, KTTC, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT
TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HÓA NĂM 2016
(Kèm theo Kế hoạch số: 49 /KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu, nội dung	Chủ đầu tư	Kinh phí thực hiện	Kinh phí đã cấp đến năm 2015	Kinh phí còn thiếu	Dự kiến kinh phí năm 2016	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			48.900	-	48.900	15.000	
1	Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa	- Xây dựng ban hành kiến trúc Khung Chính quyền điện tử của tỉnh Thanh Hóa phù hợp với Mô hình kiến trúc Khung Chính phủ điện tử Việt Nam. - Đầu tư một nền tảng chung kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh LGSP. - Xây dựng các phần mềm vận hành nền tảng (LGSP) tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng hệ thống nền tảng ứng dụng chính phủ điện tử tỉnh Thanh Hóa (Core Platform). - Nâng cấp và xây dựng mới các ứng dụng dùng chung cho các cơ quan đơn vị, góp phần cải cách hành chính và tuân thủ tiêu chuẩn Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng các dịch vụ công mức độ 3, 4 theo lộ trình của tỉnh và của Chính phủ. - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho các Trung tâm dữ liệu của tỉnh và một số sở, ban, ngành, UBND các huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông	48.900	-	48.900	15.000	

B	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TỈNH				37.759	4.536	33.223	15.000	
I	Triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp				27.425	4.536	22.889	7.066	
1	Triển khai thí điểm hệ thống một cửa điện tử cho một số Sở có nhiều thủ tục hành chính	- Tin học hóa các quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, đơn giản và minh bạch. - Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân chủ động trong việc tiếp nhận và tra cứu thông tin về thủ tục hành chính, kết quả thụ lý hồ sơ thủ tục hành chính. - Triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa cho 06 đơn vị cấp Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Lao động-TB&XH; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công Thương; Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	3.401	2.000	1.401	1.401	Theo Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Tăng cường an ninh mạng và an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, công nghệ an ninh mạng, an toàn thông tin cho Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu.	Sở Thông tin và Truyền thông	3.165	1.500	1.665	1.665	Theo Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Triển khai thí điểm hệ thống quản lý văn bản, Hồ sơ công việc và hệ thống một cửa điện tử đến cấp xã.	- Đầu tư hạ tầng CNTT, phần mềm quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc cho 132 UBND cấp xã, thị trấn thuộc 06 đơn vị cấp huyện (Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Quan Sơn, Yên Định, Thị xã Sầm Sơn, Thị xã Bỉm Sơn) đảm bảo năng lực hạ tầng kỹ thuật để triển khai có hiệu quả các ứng dụng CNTT; đồng thời quản lý toàn bộ các văn bản của UBND cấp xã bao gồm các văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ, văn bản dự thảo,... thực hiện gửi/nhận văn bản; trao đổi thư điện tử với các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên trong và bên ngoài thông qua môi trường mạng. - Triển khai hệ thống một cửa điện tử đến cấp	Sở Thông tin và Truyền thông	6.857	1.036	5.821	2.000	Theo Quyết định số 3800/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	

		xã của 06 huyện để đảm bảo đồng bộ liên thông trong việc giải quyết các thủ tục hành chính từ cấp huyện đến cấp xã.						
4	Ứng dụng CNTT trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh, nhằm đổi mới công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ di sản, đồng thời phục vụ công tác quảng bá phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.391	-	6.391	1.000	Theo Quyết định số 4448/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giảng dạy và học tập tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.	- Hoàn thiện, nâng cấp và triển khai Hệ thống thông tin Quản lý đào tạo, bao gồm: Xây dựng, quản lý Kế hoạch giảng dạy học tập; Quản lý học viên; Quản lý học viên nội trú; Quản lý đánh giá kết quả học tập; Quản lý và cấp chứng chỉ tốt nghiệp. - Bổ sung, hiện đại hóa trang thiết bị tin học, đảm bảo: 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính nối mạng để làm việc, 100% phòng học có thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập bằng giáo án điện tử, khai thác thông tin phục vụ học tập giảng dạy.	Trường Chính trị tỉnh	7.611	-	7.611	1.000	Theo QĐ số 4271/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
II	Các nhiệm vụ, dự án triển khai mới			9.902	-	9.902	7.502	
1	Triển khai ứng dụng CNTT trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Đẩy mạnh việc ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường việc kiểm tra giám sát trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Thanh tra tỉnh	1.273	-	1.273	1.273	Theo QĐ số 272/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Triển khai diện rộng phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ cho 22 đơn vị cấp huyện.	Giúp UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện trong việc chỉ đạo, điều hành các đơn vị hành chính cấp xã, phường; giúp các đơn vị theo dõi, chỉ đạo cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.	Văn phòng UBND tỉnh	2.000	-	2.000	1.600	
3	Triển khai, duy trì hệ	- Bổ sung máy chủ, hệ thống lưu trữ để đảm	Văn	3.000	-	3.000	1.000	

	thông thư điện tử đến cán bộ, công chức cấp xã.	bảo triển khai thư điện tử công vụ đến tất cả cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã. - Mua bản quyền phần mềm phòng chống thư rác.	phòng UBND tỉnh					
4	Kinh phí duy trì kỹ thuật hoạt động của Cổng thông tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và hệ thống mạng tin học Văn phòng UBND tỉnh.	- Rà soát, nâng cấp, chỉnh sửa các module chức năng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. - Duy trì hệ thống mạng tin học cơ quan Văn phòng UBND; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng Trung tâm tích hợp dữ liệu; mua phần mềm phòng chống virus cho toàn bộ máy trạm và máy chủ. - Thuê bao đường truyền Leased - line, đảm bảo tốc độ kết nối phục vụ việc truyền nhận thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ Cổng thông tin điện tử và các CSDL, phần mềm cài đặt tại Trung tâm.	Văn phòng UBND tỉnh	1.000	-	1.000	1.000	
5	Triển khai Kế hoạch ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan nhà nước.	- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng phục vụ triển khai chữ ký số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. - Đăng ký và cấp chứng thư số cơ quan cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các UBND cấp xã. - Đăng ký và cấp chứng thư số cá nhân cho một số chức danh lãnh đạo của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đầu mối tiếp nhận, xử lý các dịch vụ hành chính công trực tuyến. - Tích hợp ứng dụng chữ ký số lên phần mềm ứng dụng của tỉnh triển khai đến cấp xã. - Tổ chức đào tạo cho các đối tượng được cấp và sử dụng chứng thư số.	Sở Thông tin và Truyền thông	400	-	400	400	

6	Triển khai các hoạt động CNTT của tỉnh.	- Tổ chức bồi dưỡng cho lãnh đạo phụ trách CNTT các sở, ban, ngành, UBND các huyện. - Tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức về an ninh, an toàn mạng cho cán bộ quản trị mạng các sở, ban, ngành, UBND các huyện. - Tổ chức tập huấn về khung kiến trúc Chính phủ điện tử, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh. - Triển khai Chương trình hợp tác về ứng dụng CNTT giữa Sở TT Thanh Hóa với Sở TT&TT Hà Nội và Sở TT&TT Thành phố Hồ Chí Minh. - Khảo sát, đánh giá chỉ số ICT Index. - Tổ chức hội thi ứng dụng CNTT trong khối CQNN. - Kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án, tình hình ứng dụng CNTT tại các đơn vị.	Sở Thông tin và Truyền thông	920	-	920	920	
7	Triển khai Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.	- Tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai kế hoạch tuyên truyền về an toàn thông tin. - Tổ chức Hội thảo tuyên truyền, phổ biến kiến thức, văn bản pháp luật về ATTT và các biện pháp, giải pháp đảm bảo ATTT. - Sản xuất phóng sự, chương trình, trao đổi, đối thoại trên hệ thống phát thanh, truyền hình; trên các Báo của tỉnh; Biên tập tài liệu liên quan đến ATTT đưa lên Cổng TTĐT của tỉnh và Trang TTĐT của Sở TT&TT. - Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng biên tập, tuyên truyền về an toàn thông tin cho đội ngũ phóng viên, cán bộ truyền thanh cơ sở cấp huyện. - Tổ chức diễn tập về tăng cường năng lực quản lý, xử lý sự cố về an toàn thông tin. - Hội nghị đánh giá kết quả triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận	Sở Thông tin và Truyền thông	390	-	390	390	Theo Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 11/11/2015, Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh

		thức và trách nhiệm về an toàn thông tin năm 2016.						
8	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN và xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.	- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống mạng LAN, bổ sung thiết bị CNTT cho các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) của cơ quan Đảng và Nhà nước. - Xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin CSDL của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	919	-	919	919	
III	Các nhiệm vụ theo hình thức thuê dịch vụ theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ			432	-	432	432	
1	Hợp trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành giữa UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với UBND cấp huyện.	Tổ chức các cuộc họp trực tuyến của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với UBND cấp huyện.	Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan	432	-	432	432	
Tổng cộng:				86.659	4.536	82.123	30.000	

Phụ lục 2
KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN VỀ CNTT
TRONG HOẠT ĐỘNG CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2016
(Kèm theo Kế hoạch số: 49 /KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016
của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số CBCC hiện có	Kinh phí năm 2016
1	Văn phòng UBND tỉnh	101	202
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	39	78
3	Sở Công Thương	71	142
4	Sở Khoa học và Công nghệ	39	78
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	70	140
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	82	164
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89	178
8	Sở Tài chính	110	220
9	Sở Thông tin và Truyền thông	36	72
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88	176
11	Sở Xây dựng	76	152
12	Sở Tư pháp	47	94
13	Sở Nội vụ	66	132
14	Sở Giao thông Vận tải	86	172
15	Sở Y tế	50	100
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	81	162
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	77	154
18	Sở Ngoại vụ	21	42
19	Thanh tra tỉnh	52	104
20	Ban Dân tộc	30	60
21	BQL khu kinh tế Nghi Sơn	72	144
22	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa	17	34
	Tổng cộng:	1.400	2.800

Phụ lục 3
KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN VỀ ỨNG DỤNG
CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG UBND CẤP HUYỆN NĂM 2016
(Kèm theo Kế hoạch số: 49 /KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2016
của UBND tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Số CBCC hiện có	Kinh phí năm 2016
1	UBND huyện Thọ Xuân	87	87
2	UBND Thị xã Sầm Sơn	70	70
3	UBND huyện Thường Xuân	81	81
4	UBND huyện Hoằng Hoá	89	89
5	UBND huyện Quảng Xương	89	89
6	UBND huyện Vĩnh Lộc	68	68
7	UBND Thị xã Bỉm Sơn	67	67
8	UBND huyện Thiệu Hoá	77	77
9	UBND huyện Thạch Thành	79	79
10	UBND huyện Yên Định	76	76
11	UBND huyện Hà Trung	70	70
12	UBND huyện Cẩm Thủy	75	75
13	UBND huyện Như Thanh	66	66
14	UBND huyện Bá Thước	80	80
15	UBND huyện Ngọc Lặc	77	77
16	UBND huyện Quan Sơn	64	64
17	UBND huyện Quan Hoá	72	72
18	UBND huyện Mường Lát	62	62
19	UBND huyện Nga Sơn	77	77
20	UBND huyện Hậu Lộc	77	77
21	UBND huyện Nông Cống	79	79
22	UBND huyện Lang Chánh	67	67
23	UBND huyện Tĩnh Gia	131	131
24	UBND Thành phố Thanh Hoá	123	123
25	UBND huyện Triệu Sơn	82	82
26	UBND huyện Như Xuân	69	69
27	UBND huyện Đông Sơn	66	66
	Tổng cộng:	2.120	2.120